TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THÁI KHÓA K3.26

(Theo Quyết định số 794/QĐ-CĐSL ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)

Chương trình bồi dưỡng: Theo Quyết định số 254/QĐ-CĐSL ngày 04/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc lựa chọn chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông

Thời gian khóa học: Từ ngày '12/07/2026 đến ngày '13/09/2026

Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Sơn La

Ngày cấp chứng chỉ: 28/09/2026

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân	Ghi chú
1	Ngần Thị	Cường	03/03/1986	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,1	Khá	000138.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0138		017186011464	
2	Trần Quốc	Cường	17/12/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	7,1	Khá	000139.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0139		001200006408	
3	Bùi Thị	Chang	10/10/1989	Phú Thọ	Nữ	Mường	7,4	Khá	000140.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0140		017189008744	
4	Hà Phương	Chi	16/01/2003	Thanh Hóa	Nữ	Thái	7,0	Khá	000141.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0141		038303008944	
5	Vàng Y	Chứ	02/02/1984	Phú Thọ	Nữ	Mông	6,9	Khá	000142.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0142		017184008709	
6	Nguyễn Thị Khánh	Chưng	12/04/1977	Phú Thọ	Nữ	Kinh	6,8	Khá	000143.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0143		017177005019	
7	Đỗ Thị	Dung	20/04/1992	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,2	Khá	000144.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0144		038192009398	
8	Lê Thị Thùy	Dung	23/11/1996	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,8	Khá	000145.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0145		038196023702	
9	Phạm Thị	Duyên	17/05/1974	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,3	Khá	000146.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0146		017174008980	
10	Khà Thị	Giang	28/04/1979	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,6	Khá	000147.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0147		017179000727	
11	Đinh Thị	Giới	28/08/1983	Phú Thọ	Nữ	Mường	7,6	Khá	000148.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0148		017183007463	

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân	Ghi chú
12	Lò Thị	Hải	19/07/1985	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,8	Khá	000149.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0149		017185009544	
13	Hà Thị	Hảo	04/09/1988	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,4	Khá	000150.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0150		017188006303	
14	Hà Thị	Hằng	21/11/1977	Phú Thọ	Nữ	Thái	6,7	Khá	000151.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0151		017177008965	
15	Đinh Thị Thu	Hiền	12/11/1977	Phú Thọ	Nữ	Mường	6,8	Khá	000152.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0152		017177002144	
16	Đỗ Thị	Hiền	23/05/2000	Thanh hóa	Nữ	Kinh	7,1	Khá	000153.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0153		038300015300	
17	Hoàng Thị Thanh	Hoa	19/09/1978	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,3	Khá	000154.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0154		017178011724	
18	Hà Thị	Hòa	01/09/1982	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,2	Khá	000155.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0155		017182001031	
19	Vương Thị Bích	Hòa	18/01/1985	Hải Phòng	Nữ	Kinh	7,5	Khá	000156.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0156		031185018675	
20	Trần Thị Lệ	Hồng	28/07/1982	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,7	Khá	000157.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0157		017182009427	
21	Hà Thị	Hợp	08/03/1983	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,5	Khá	000158.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0158		017183005485	
22	Hà Thị	Huế	29/04/1974	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,4	Khá	000159.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0159		017174011681	
23	Hà Thị	Huệ	29/02/1984	Phú Thọ	Nữ	Thái	6,7	Khá	000160.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0160		017184005615	
24	Trương Thị	Huệ	01/07/1996	Thanh Hóa	Nữ	Mường	7,5	Khá	000161.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0161		038196025135	
25	Đoàn Thị	Huyền	14/10/1977	Sơn La	Nữ	Kinh	7,6	Khá	000162.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0162		014177007129	
26	Hà Thị	Huyền	25/03/1980	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,4	Khá	000163.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0163		017180008610	
27	Lê Thị	Huyền	06/08/1990	Ninh Bình	Nữ	Kinh	7,6	Khá	000164.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0164		036190019715	
28	Ngần Thị Thu	Huyền	14/10/1990	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,0	Khá	000165.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0165		017190001361	

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân	Ghi chú
29	Ngô Thị	Huyền	07/08/1984	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,7	Khá	000166.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0166		017184001261	
30	Khà Thị Thu	Hương	08/04/1983	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,0	Khá	000167.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0167		017183009225	
31	Lò Thị	Hương	03/07/1987	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,5	Khá	000168.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0168		017187011633	
32	Ngần Thị	Hương	12/02/1983	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,1	Khá	000169.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0169		017183009448	
33	Hà Thị	Lan	23/10/1981	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,0	Khá	000170.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0170		017181008361	
34	Khà Thị	Lập	30/04/1979	Phú Thọ	Nữ	Thái	8,0	Giỏi	000171.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0171		017179000678	
35	Khà Thị	Liên	20/04/1987	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,8	Khá	000172.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0172		017187013570	
36	Bùi Thị	Liễu	06/12/1990	Ninh Bình	Nữ	Kinh	7,3	Khá	000173.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0173		036190018109	
37	Trần Thị	Loan	06/05/1987	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,4	Khá	000174.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0174		017187003832	
38	Trần Thị Tố	Loan	28/12/1977	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,4	Khá	000175.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0175		017177000645	
39	Hoàng Thị	Lưu	12/07/1998	Thanh Hóa	Nữ	Thái	7,3	Khá	000176.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0176		038198008604	
40	Bùi Thị	Ly	04/12/1984	Phú Thọ	Nữ	Mường	7,4	Khá	000177.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0177		017184011604	
41	Hà Thị	Ly	21/05/1983	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,0	Khá	000178.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0178		017183009614	
42	Nguyễn Đức	Lý	25/09/1976	Phú Thọ	Nam	Mường	7,1	Khá	000179.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0179		017076011720	
43	Hà Thị	Mai	07/05/1999	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,5	Khá	000180.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0180		017199004744	
44	Nguyễn Thị	Mai	25/03/1987	Phú Thọ	Nữ	Kinh	6,9	Khá	000181.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0181		017187003936	
45	Đỗ Thị Ngọc	Ngà	18/05/1991	Hưng Yên	Nữ	Kinh	7,4	Khá	000182.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0182		034191021701	

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân	Ghi chú
46	Hà Kim	Ngân	23/02/2003	Thanh Hóa	Nữ	Thái	7,5	Khá	000183.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0183		038303016445	
47	Ngân Ánh	Nguyệt	16/10/2003	Thanh Hóa	Nữ	Thái	7,3	Khá	000184.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0184		038303013960	
48	Bàn Thị	Nhung	16/12/1988	Phú Thọ	Nữ	Dao	7,6	Khá	000185.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0185		017188003247	
49	Hà Thị	Oanh	11/08/1989	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,5	Khá	000186.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0186		017189005556	
50	Nguyễn Thị Kim	Oanh	31/07/1984	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,5	Khá	000187.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0187		017184001251	
51	Phan Thị	Phương	17/08/1990	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,6	Khá	000188.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0188		017190008631	
52	Hà Thị	Phượng	16/07/1980	Phú Thọ	Nữ	Thái	6,9	Khá	000189.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0189		017180002254	
53	Quách Tùng	Quang	11/09/1993	Phú Thọ	Nam	Mường	6,8	Khá	000190.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0190		017093002570	
54	Vì Thị Hương	Quỳnh	13/01/1997	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,3	Khá	000191.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0191		017197005573	
55	Lò Thị	Sao	07/03/1986	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,6	Khá	000192.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0192		017186000978	
56	Hà Thị	Son	05/11/1986	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,5	Khá	000193.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0193		017186008730	
57	Hàng Y	Sống	13/05/1989	Phú Thọ	Nữ	Mông	7,2	Khá	000194.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0194		017189002817	
58	Đỗ Xuân	Sơn	11/01/1988	Phú Thọ	Nam	Kinh	6,6	Khá	000195.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0195		017088009007	
59	Ngần Thị	Tâm	23/10/1979	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,6	Khá	000196.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0196		017179004124	
60	Lê Thị	Tĩnh	06/07/1985	Thanh Hóa	Nữ	Mường	7,4	Khá	000197.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0197		038185021673	
61	Phạm Song	Toàn	20/02/1988	Thanh Hóa	Nam	Thái	7,2	Khá	000198.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0198		038088016173	
62	Hà Anh	Tuấn	04/09/1983	Phú Thọ	Nam	Thái	7,4	Khá	000199.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0199		017083012368	

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân	Ghi chú
63	Phạm Minh	Tuấn	03/05/2003	Thanh Hóa	Nam	Thái	6,8	Khá	000200.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0200		038203003297	
64	Lữ Thị	Tuyến	14/05/1987	Thanh Hóa	Nữ	Thái	6,5	Khá	000201.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0201		038187010927	
65	Bùi Thị	Tuyết	20/12/1984	Phú Thọ	Nữ	Mường	7,3	Khá	000202.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0202		017184007228	
66	Hà Thị	Tuyết	25/03/1986	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,3	Khá	000203.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0203		017186012142	
67	Khà Thị	Tuyết	01/11/1979	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,8	Khá	000204.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0204		017179003666	
68	Phạm Thị	Tuyết	17/09/1984	Thanh Hóa	Nữ	Mường	7,1	Khá	000205.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0205		038184007191	
69	Vì Thị	Tuyết	20/03/1985	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,1	Khá	000206.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0206		017185008354	
70	Nguyễn Thị	Tươi	06/03/1987	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,4	Khá	000207.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0207		001187051052	
71	Lý Thị	Thanh	14/04/1980	Phú Thọ	Nữ	Dao	7,0	Khá	000208.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0208		017180007185	
72	Ngô Thị	Thảo	30/06/1986	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,3	Khá	000209.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0209		017186006817	
73	Mùa Y	Thân	02/03/2004	Phú Thọ	Nữ	Mông	7,0	Khá	000210.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0210		017304003857	
74	Hà Thị	Thu	28/09/1995	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,6	Khá	000211.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0211		017195005349	
75	Hà Thị	Thủy	02/07/1980	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,1	Khá	000212.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0212		017180008922	
76	Nguyễn Thị	Thủy	30/08/1977	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,5	Khá	000213.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0213		017177003708	
77	Nguyễn Viết	Thủy	08/06/1977	Hưng Yên	Nam	Kinh	6,9	Khá	000214.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0214		034077018543	
78	Lê Thị Thanh	Thúy	12/06/1989	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,6	Khá	000215.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0215		001189045337	
79	Nguyễn Thị	Thúy	29/09/1985	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	7,4	Khá	000216.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0216		008185006218	

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Số định danh cá nhân	Ghi chú
80	Hà Thị	Thư	02/07/1985	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,0	Khá	000217.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0217		017185008282	
81	Hà Thị	Thương	23/02/1976	Phú Thọ	Nữ	Thái	7,0	Khá	000218.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0218		017176000535	
82	Đinh Thị	Thường	28/09/1992	Phú Thọ	Nữ	Mường	7,3	Khá	000219.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0219		017192008304	
83	Nguyễn Thị	Trang	04/10/1982	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,6	Khá	000220.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0220		017182011813	
84	Phạm Thị Thời	Trang	01/01/2002	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,3	Khá	000221.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0221		017302005229	
85	Hà Văn	Trọng	25/03/1993	Phú Thọ	Nam	Thái	7,6	Khá	000222.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0222		017093004551	
86	Đinh Thị	Vân	02/09/2000	Thanh Hóa	Nữ	Mường	7,6	Khá	000223.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0223		038300007888	
87	Nguyễn Thị Như	Ý	04/12/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7,6	Khá	000224.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0224		038303007468	
88	Hà Thị	Yến	11/07/1999	Thanh Hóa	Nữ	Thái	7,4	Khá	000225.C11.2026.C14	C11/C14/2026/0225		038199004943	

Danh sách gồm có 88 học viên./.

Sơn La, ngày 28 tháng 09 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long